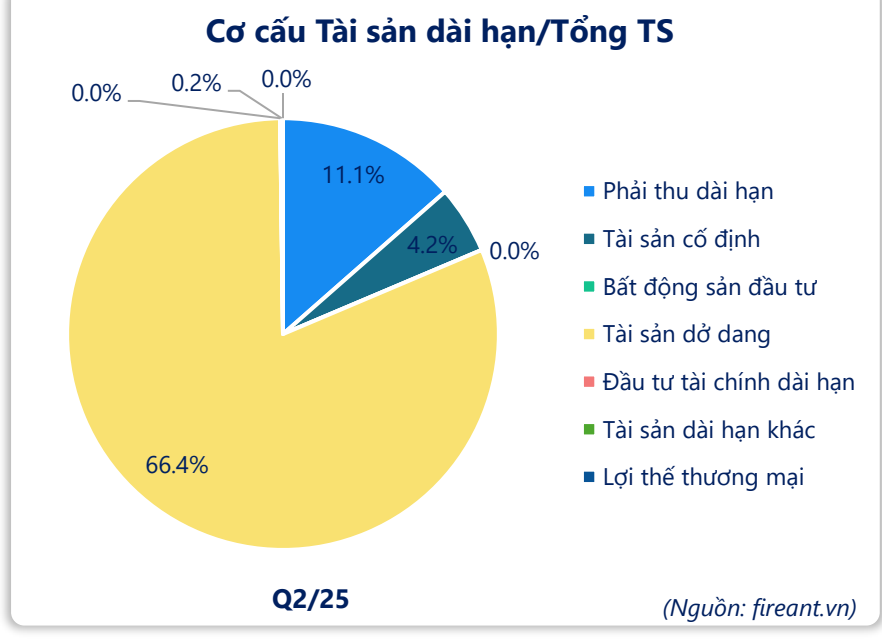
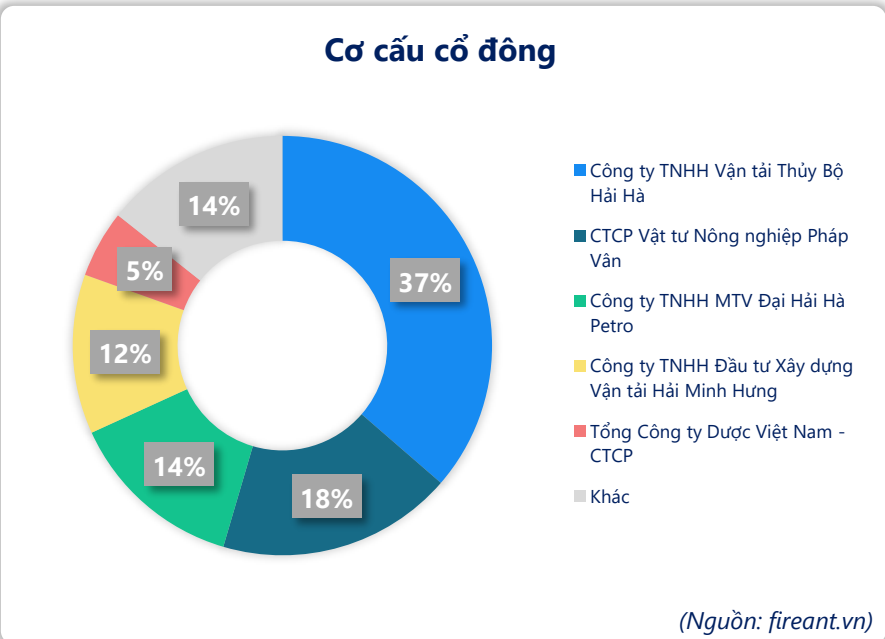
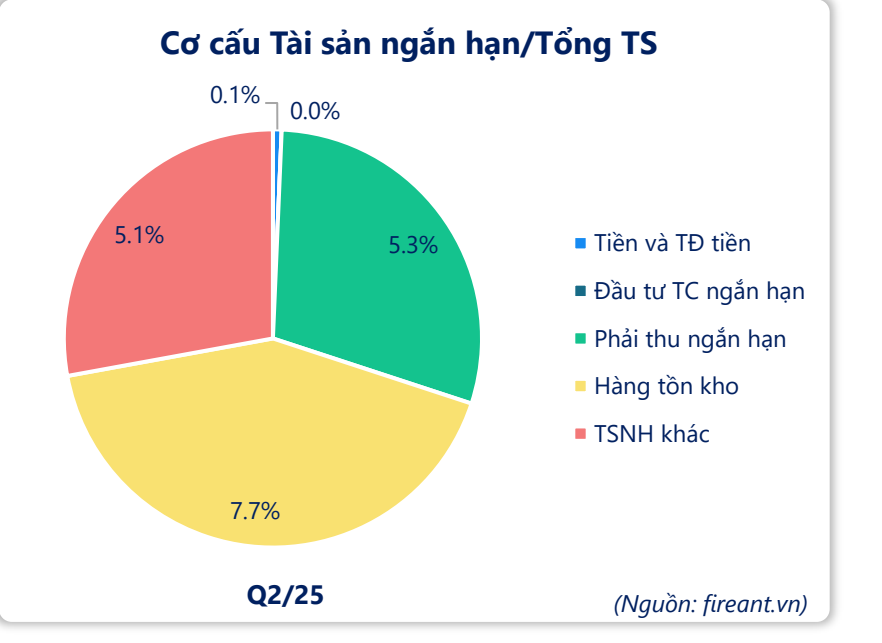
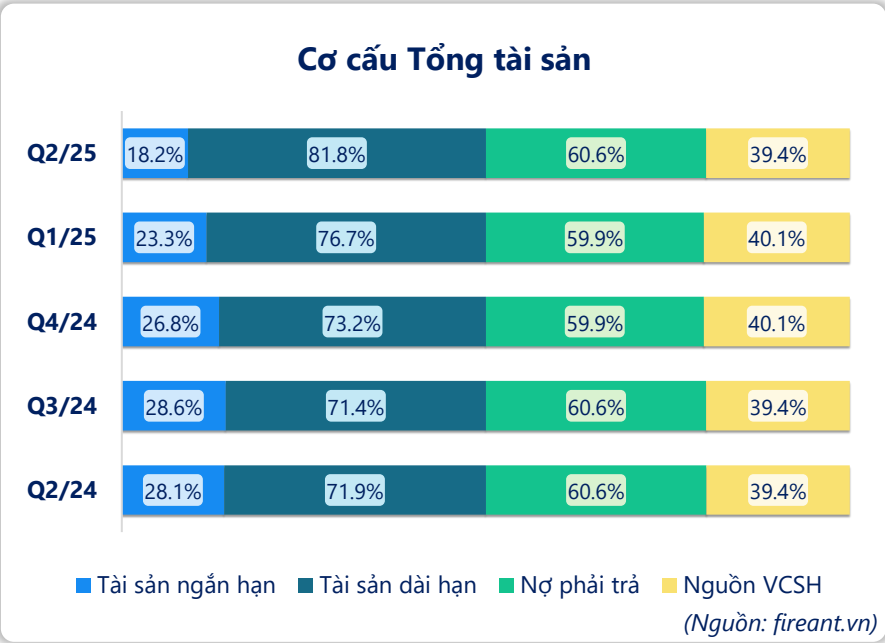
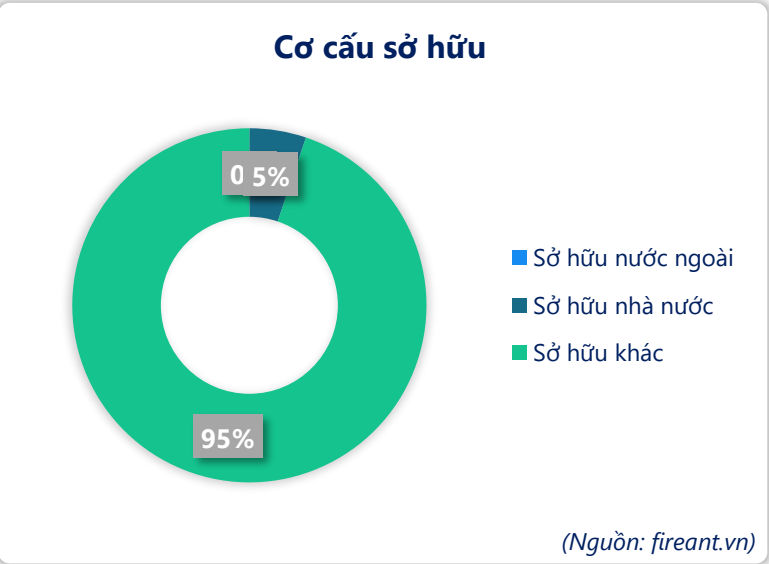
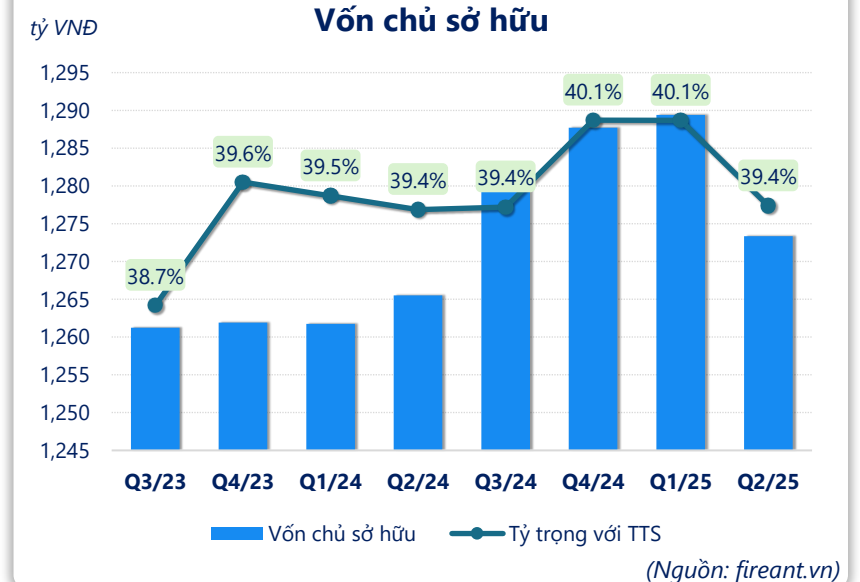
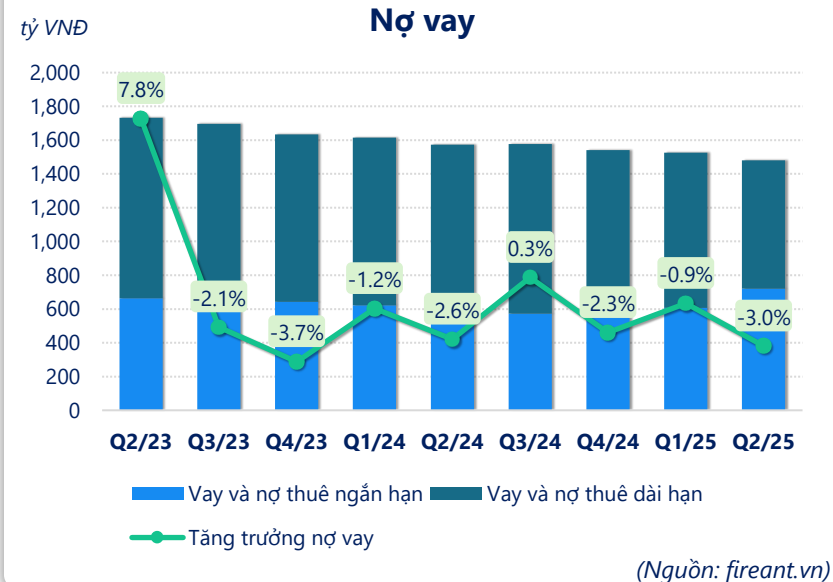
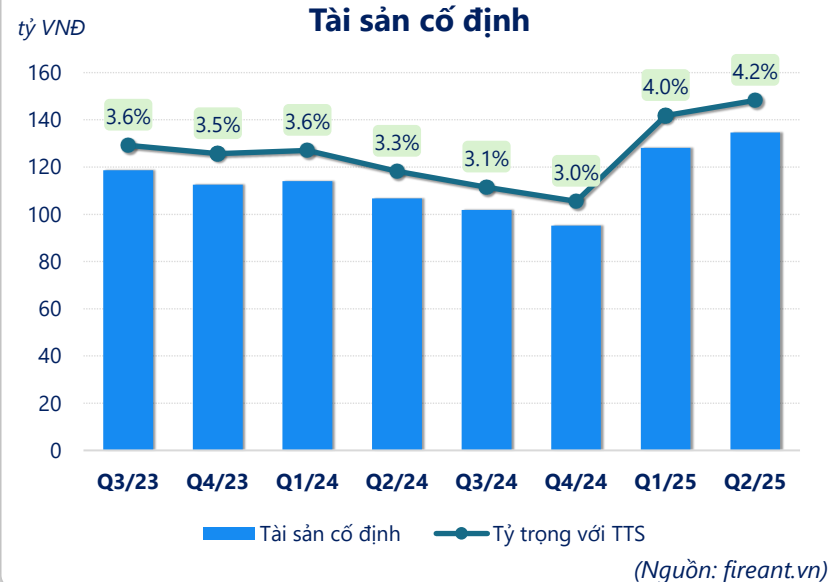
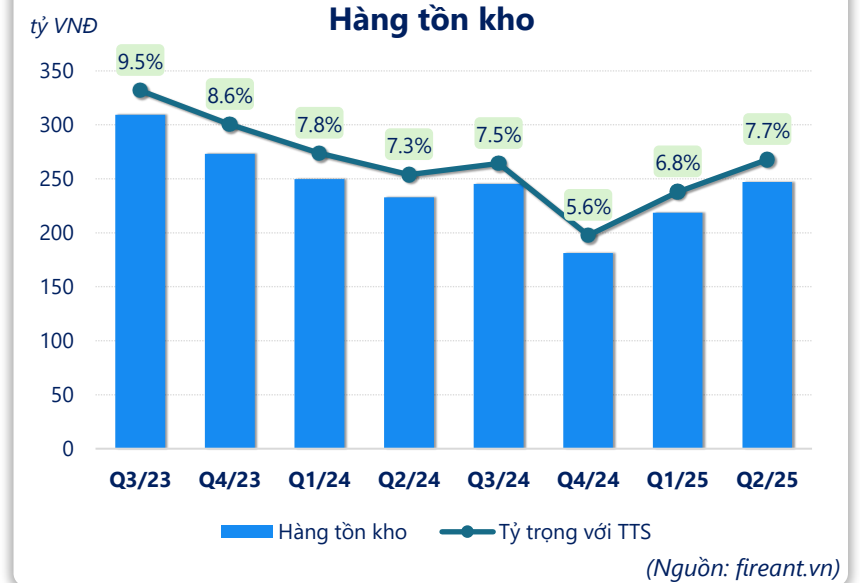
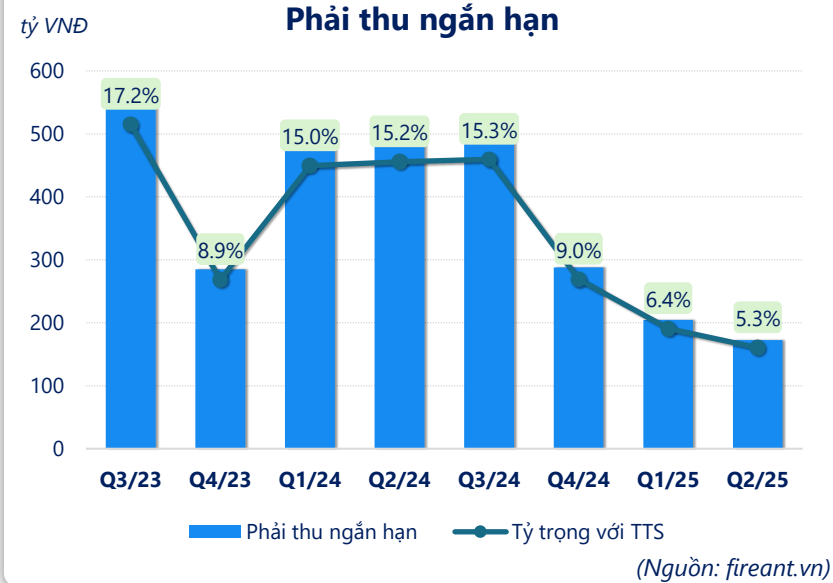
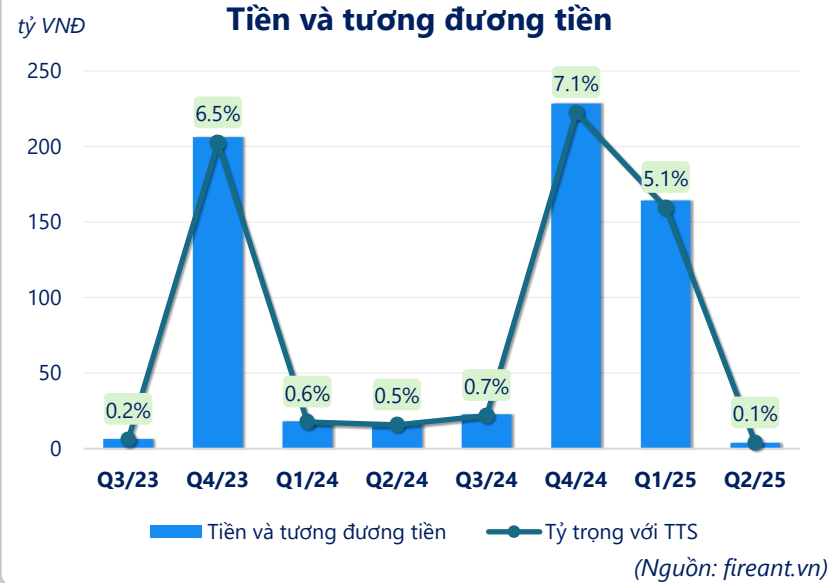
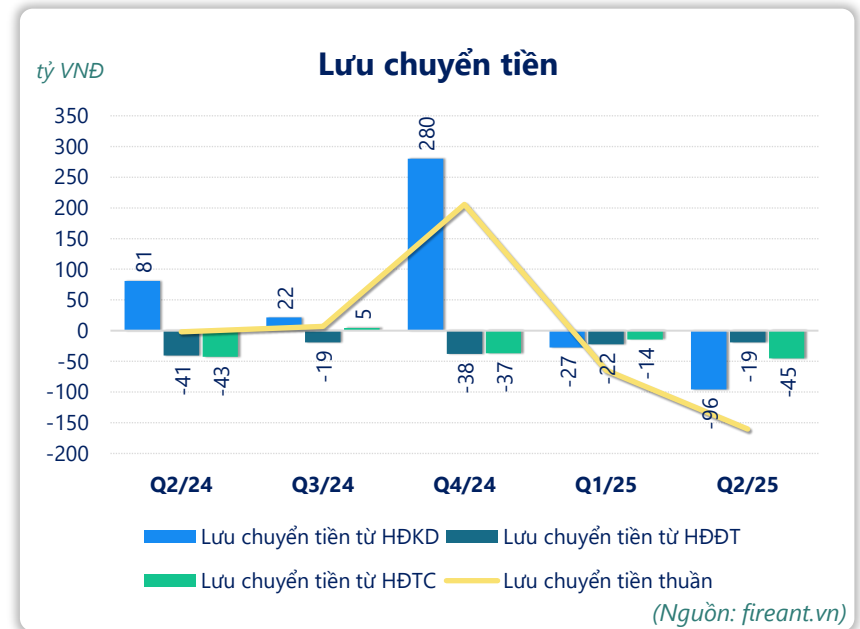
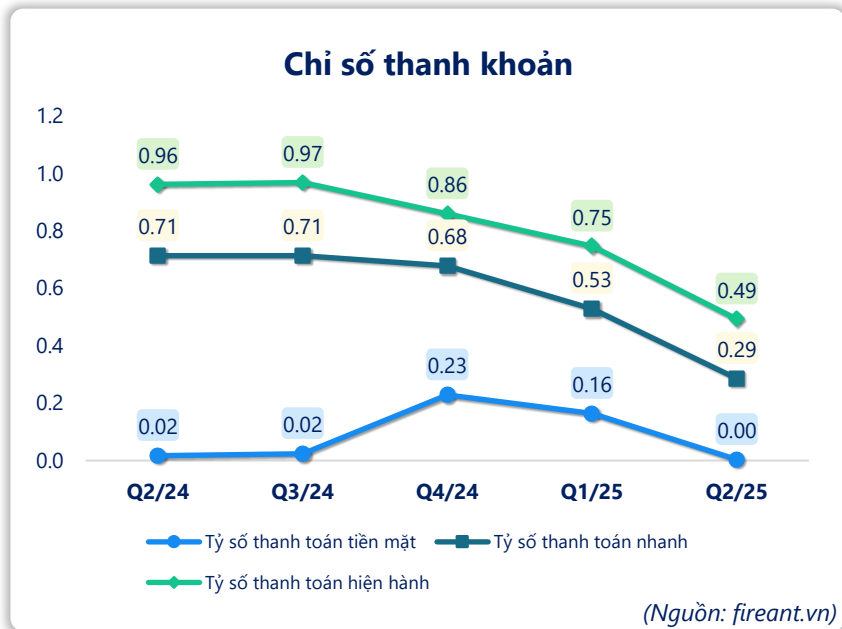
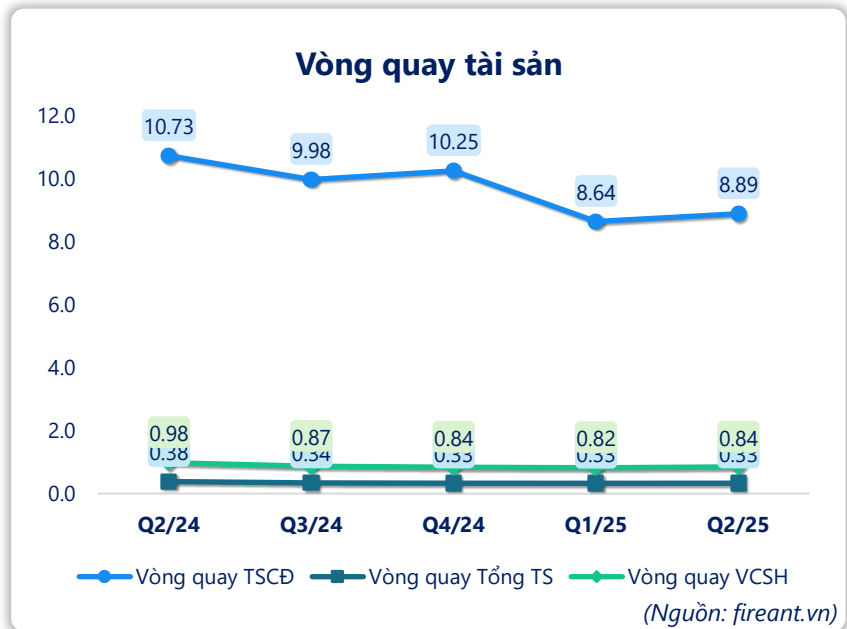
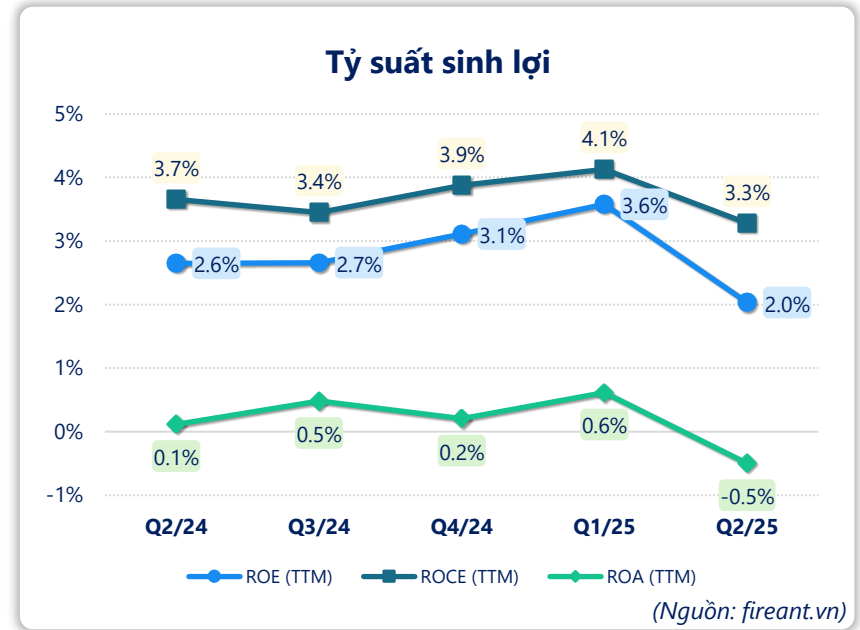
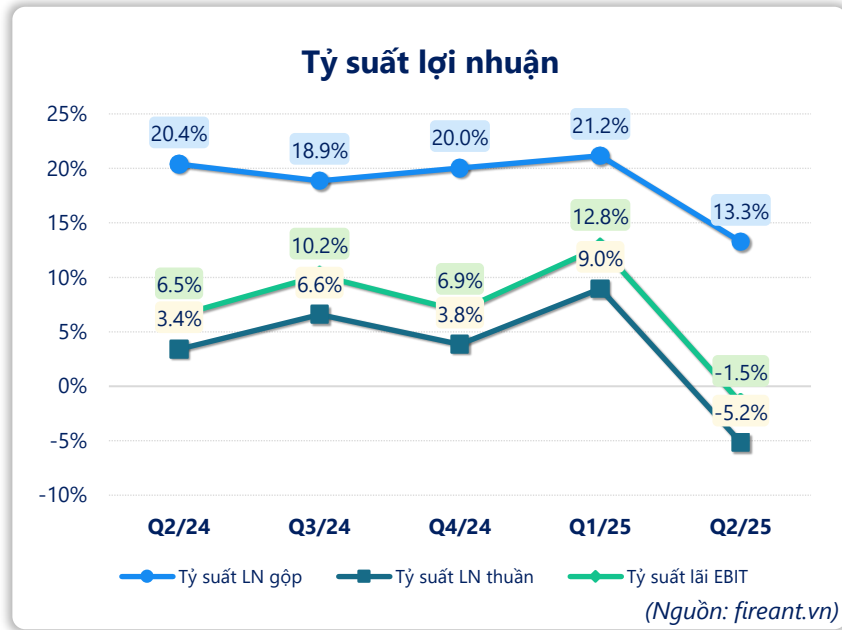
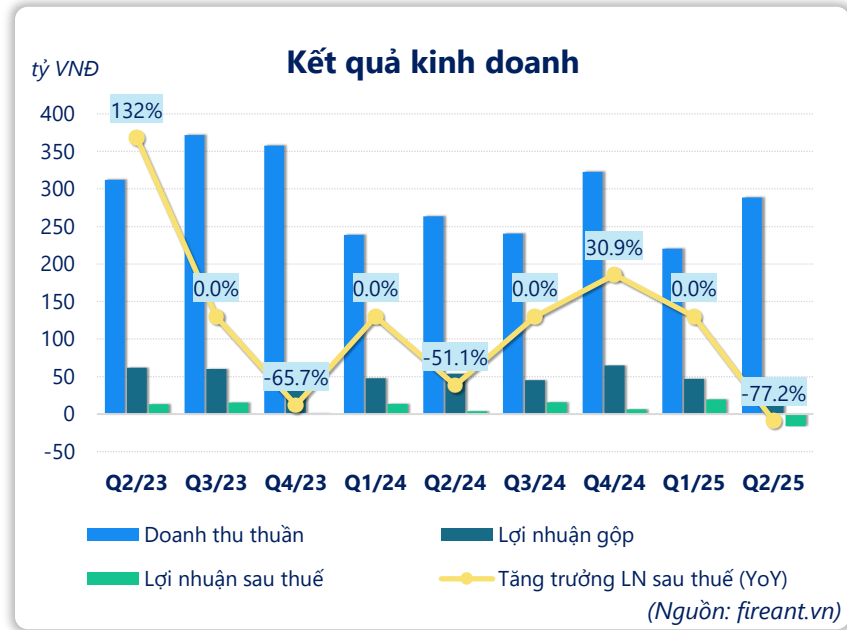


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,933
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,117
SL cổ phiếu LH		113,299,902
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,500
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		770
P/E		29.9
EPS		228

	YTD	1T	3T	6T
PBC	4.5%	0.0%	-11.4%	3.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,228	3,168	1.9%
Tài sản ngắn hạn	587	778	-24.5%
Tiền và tương đương tiền	3.95	228	-98.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	172	207	-16.6%
Hàng tồn kho	247	181	36.4%
Tài sản ngắn hạn khác	164	161	1.4%
Tài sản dài hạn	2,641	2,390	10.5%
Phải thu dài hạn	357	157	128%
Tài sản cố định	135	135	-0.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2,144	2,090	2.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.28	0.28	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.30	7.81	-32.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,955	1,898	3.0%
Nợ ngắn hạn	1,192	976	22.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	721	621	16.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	227	175	30.0%
Nợ dài hạn	763	922	-17.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	760	920	-17.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,273	1,270	0.3%
Vốn chủ sở hữu	1,273	1,270	0.3%
Vốn điều lệ	1,133	1,133	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	263	240	323	220	289
Giá vốn hàng bán	210	195	258	174	250
Lợi nhuận gộp	53.7	45.3	64.7	46.6	38.3
Doanh thu HĐTC	0.80	1.19	3.34	0.37	0.38
Chi phí TC	14.3	5.93	18.3	2.48	20.2
Chi phí lãi vay	8.77	8.80	10.2	8.53	10.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.34	1.24	1.16	1.29	1.25
Chi phí QLDN	29.8	23.5	36.2	23.5	32.2
LN thuần từ HĐKD	9.00	15.8	12.4	19.7	-14.9
Lợi nhuận khác	-0.59	-0.20	-0.17	-0.05	-0.14
LN trước thuế	8.41	15.6	12.2	19.7	-15.0
Lợi nhuận sau thuế	3.77	15.6	6.53	19.7	-16.1
LNST của CĐ cty mẹ	3.78	15.6	6.53	19.7	-16.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	81.2	21.5	280	-27.3	-95.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-40.6	-19.3	-37.8	-22.5	-19.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-42.5	4.58	-36.6	-14.5	-45.1
Tiền đầu kỳ	18.0	16.1	22.8	228	164
Lưu chuyển tiền thuần	-1.99	6.78	206	-64.3	-160
Ảnh hưởng tỷ giá	0.12	-0.12	0.00	0	0.02
Tiền cuối kỳ	16.1	22.8	228	164	3.95

(Nguồn: fireant.vn)